

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Trung T, sinh năm: 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Trung T trình bày:

Ông T và bà V chung sống với nhau từ năm 2020, không tổ chức lễ cưới, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2021, ngày 28/10/2021. Hôn nhân của vợ chồng ông là do tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng có hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V một mình gây ra nợ riêng, không rõ ràng về vấn đề tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/02/2022 đến nay. Ông T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng

không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà V.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Hồng V. Bà V không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của ông T, không nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Trung T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng V, bà V có nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà V.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: ông Trần Trung T và bà Nguyễn Thị Hồng V có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2021, ngày 28/10/2021, nên xác định hôn nhân giữa ông T và bà V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông T trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng có hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V một mình gây ra nợ riêng, không rõ ràng về vấn đề tiền bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù vợ chồng để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 20/02/2022 đến nay. Đối với bà V, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà V nhưng bà V không có ý kiến phản hồi và cũng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án. Điều này chứng tỏ bà V không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông T. Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà V. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà V.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông T trình bày ông và bà V không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà V không có ý kiến phản hồi về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về án phí: ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Trung T về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V.

1. Về hôn nhân: ông Trần Trung T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng V.

2. Về án phí: ông Trần Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0000914 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông T đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thủy Tiên